SỞ Y TẾ NGHỆ AN **BỆNH VIỆN UNG BƯỚU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2927 /QĐ-BVUB	*Nghệ An, ngày 02 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Cung cấp dịch vụ kiểm định, kiểm xạ, hiệu chuẩn thiết bị y tế năm 2026 thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ kiểm định, kiểm xạ, hiệu chuẩn thiết bị y tế năm 2026.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỚU NGHỆ AN

- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

- Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Căn cứ Quyết định số 2842/QĐ-BVUB ngày 25/09/2026 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Nghệ An về việc phê duyệt danh mục và giá kế hoạch dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ kiểm định, kiểm xạ, hiệu chuẩn thiết bị y tế năm 2026;

- Căn cứ Quyết định số 2923/QĐ-BVUB ngày 01/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Nghệ An về việc phê duyệt dự toán và bố trí nguồn vốn dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ kiểm định, kiểm xạ, hiệu chuẩn thiết bị y tế năm 2026.

- Căn cứ Tờ trình số 1.110/TTr-TBYT ngày 01/10/2026 của Phòng Thiết bị y tế về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Cung cấp dịch vụ kiểm định, kiểm xạ, hiệu chuẩn thiết bị y tế năm 2026 thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ kiểm định, kiểm xạ, hiệu chuẩn thiết bị y tế năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Cung cấp dịch vụ kiểm định, kiểm xạ, hiệu chuẩn thiết bị y tế năm 2026 thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ kiểm định, kiểm xạ, hiệu chuẩn thiết bị y tế năm 2026 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Phòng Thiết bị y tế, Phòng Tài chính kế toán, Tổ Tham mưu tổng hợp, và các cá nhân tập thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, P.TBYT.

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH NGHỆ AN
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU NGHỆ AN

Ngô Trí Diễm

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM

CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, KIỂM XẠ, HIỆU CHUẨN THIẾT BỊ Y TẾ NĂM 2026.

(Kèm theo Quyết định số 2920Đ-BVUB ngày 02 / 10 /2026 của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	***Tóm tắt công việc chính của gói thầu***									
1.	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Gói thầu số 1: Cung cấp dịch vụ kiểm định thiết bị y tế theo Thông tư 05/2022/TT-BYT.	Cung cấp dịch vụ kiểm định thiết bị y tế theo Thông tư 05/2022/TT-BYT.	8.736.000	Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh do quỹ bảo hiểm y tế chi trả và từ người bệnh chi trả của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An năm 2026.	Chào giá trực tuyến rút gọn, trong nước, qua mạng.		15 ngày	Quý III, Quý IV/2026	Hợp đồng trọn gói	120 ngày	Không áp dụng
2.	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Gói thầu số 2: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị khoa Y học hạt nhân theo Thông tư	Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị khoa Y học hạt nhân theo Thông tư	57.084.847	Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh do quỹ bảo hiểm y tế chi trả và từ người bệnh chi trả	Chào giá trực tuyến rút gọn, trong nước,		15 ngày	Quý III, Quý IV/2026	Hợp đồng trọn gói	120 ngày	Không áp dụng

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	***Tóm tắt công việc chính của gói thầu***									
		59/2025/TT-BKHCN.	59/2025/TT-BKHCN.		của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An năm 2026.	qua mạng.						
3.	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Gói thầu số 3: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn (đo thử nghiệm) thiết bị đo lường.	Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn (đo thử nghiệm) thiết bị đo lường.	79.804.266	Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh do quỹ bảo hiểm y tế chi trả và từ người bệnh chi trả của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An năm 2026.	Chào giá trực tuyến rút gọn, trong nước, qua mạng.		15 ngày	Quý III, Quý IV/2026	Hợp đồng trọn gói	120 ngày	Không áp dụng
Tổng giá dự toán				**145.625.113 đ** *(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm mười ba đồng./.)*								

Phụ lục II

CHI TIẾT DANH MỤC DỰ TOÁN MUA SẮM: CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, KIỂM XẠ, HIỆU CHUẨN THIẾT BỊ Y TẾ NĂM 2026.

(Kèm theo Quyết định số 2927/QĐ-BVUB ngày 02 / 10 /2026 của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An)

1. Gói thầu số 1: Cung cấp dịch vụ kiểm định thiết bị y tế theo Thông tư 05/2022/TT-BYT

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Kiểm định Máy thở hồi sức đa năng 840, Heathcare/Puritan bennett.	Kiểm định	2	Máy	378.000	756.000
2	Kiểm định Máy thở chức năng cao Savina 300, Draeger.	Kiểm định	1	Máy	378.000	378.000
3	Kiểm định Máy thở chức năng cao Savina 300 Select, Draeger.	Kiểm định	1	Máy	378.000	378.000
4	Kiểm định Máy thở chức năng cao Evita V300, Draeger.	Kiểm định	1	Máy	378.000	378.000
5	Kiểm định Dao mổ điện ESU-X 300 NT, Geister	Kiểm định	3	Cái	378.000	1.134.000
6	Kiểm định Dao mổ điện cao tần ESG-400, Olympus.	Kiểm định	1	Cái	378.000	378.000
7	Kiểm định Dao mổ điện Force FX-8C, Covidien.	Kiểm định	7	Cái	378.000	2.646.000
8	Kiểm định Máy gây mê kèm thở Aespire 7900, GE Healthcare.	Kiểm định	3	Máy	336.000	1.008.000
9	Kiểm định Máy gây mê kèm thở Carestation 620, GE Healthcare.	Kiểm định	2	Máy	336.000	672.000
10	Kiểm định Máy gây mê kèm thở Fabius plus, Draeger.	Kiểm định	1	Máy	336.000	336.000
11	Kiểm định Máy gây mê Carestation 650, GE Healthcare.	Kiểm định	2	Máy	336.000	672.000
Tổng cộng (đã bao gồm Thuế GTGT)						**8.736.000**
Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng./.						

2. Gói thầu số 2: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị khoa Y học hạt nhân theo Thông tư 59/2025/TT-BKHCN

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Kiểm định Hệ thống PET/CT (Discovery IQ, GE Medical)	Kiểm định	1	Hệ thống	4.090.909	4.090.909
2	Đo an toàn bức xạ Phòng PET/CT	Đo an toàn bức xạ	1	Phòng	1.433.333	1.433.333
3	Kiểm định Hệ thống chụp Spect/CT (NM/CT860, GE Medical)	Kiểm định	1	Hệ thống	4.090.909	4.090.909
4	Đo an toàn bức xạ Phòng Spect/CT	Đo an toàn bức xạ	1	Phòng	1.433.333	1.433.333
5	Hiệu chuẩn Máy đo khảo sát bức xạ cầm tay Inspector IA-V2 (IMI Inspector Alert-V2), MEDCOM, INC – Mỹ.	Hiệu chuẩn (Hệ chiếu chuẩn bức xạ Gamma).	1	Máy	2.100.000	2.100.000
6	Hiệu chuẩn Máy đo khảo sát phóng xạ cầm tay Inspector SE International.INC - Mỹ.	Hiệu chuẩn (Hệ chiếu chuẩn bức xạ Gamma).	2	Máy	2.100.000	4.200.000
7	Hiệu chuẩn Máy đo nhiễm bẩn phóng xạ (Model 3, LUDLUM).	Hiệu chuẩn (Hệ chiếu chuẩn bức xạ gamma, alpha và beta, tia X).	2	Máy	10.500.000	21.000.000
8	Hiệu chuẩn Máy theo dõi lượng phóng xạ cầm tay đa chức năng 14C, LUDLUM -Mỹ.	Hiệu chuẩn (Hệ chiếu chuẩn bức xạ gamma, alpha và beta, tia X).	1	Máy	10.500.000	10.500.000
9	Hiệu chuẩn Máy đo khảo sát bức xạ cầm tay Radalert 100X, International.	Hiệu chuẩn (Hệ chiếu chuẩn bức xạ Gamma).	1	Máy	2.100.000	2.100.000
10	Hiệu chuẩn Máy đo độ tập trung Iod 131 Atomlab 960, Biodex.	Hiệu chuẩn	1	Máy	6.136.363	6.136.363
Tổng cộng (đã bao gồm Thuế GTGT)						**57.084.847**
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi bảy triệu, không trăm tám mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng./.						

3. Gói thầu số 3: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn (đo thử nghiệm) thiết bị đo lường

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Hiệu chuẩn Pipet.	Hiệu chuẩn. Phạm vi yêu cầu hiệu chuẩn: tại điểm (10, 50, 100)% dung tích danh định.	54	Cái	378.000	20.412.000
2	Hiệu chuẩn Nhiệt ẩm kế.	Hiệu chuẩn. Phạm vi yêu cầu hiệu chuẩn: - Nhiệt độ tại (20, 30, 40)°C. - Độ ẩm tại (60, 70, 80) %.	10	Cái	216.000	2.160.000
3	Hiệu chuẩn Nhiệt kế thủy tinh (Thiết bị đo nhiệt độ).	Hiệu chuẩn. Phạm vi yêu cầu hiệu chuẩn: - 05 cái hiệu chuẩn tại nhiệt độ (2, 4, 6)°C. - 07 cái hiệu chuẩn tại nhiệt độ (0, 5, 10)°C. - 02 cái hiệu chuẩn tại nhiệt độ (-15, -20, -25)°C.	14	Cái	132.000	1.848.000
4	Hiệu chuẩn Đồng hồ đo độ dẫn điện (Hệ thống lọc nước RO).	Hiệu chuẩn. Phạm vi hiệu chuẩn: tại độ dẫn điện ≤ 2 uS/cm.	3	Cái	5.400.000	16.200.000
5	Hiệu chuẩn Máy lắc trộn mẫu	Hiệu chuẩn	1	Máy	352.000	352.000
6	Hiệu chuẩn Tủ an toàn sinh học cấp II	Hiệu chuẩn	3	Cái	3.000.000	9.000.000
7	Hiệu chuẩn Tủ ấm CO2	Hiệu chuẩn	1	Cái	629.000	629.000
8	Hiệu chuẩn Tủ ấm	Hiệu chuẩn	2	Cái	414.000	828.000
9	Hiệu chuẩn và Kiểm định Nồi hấp ướt.	- Hiệu chuẩn Nồi hấp ướt. - Kiểm định Nồi hấp ướt theo thông tư số: 54/2016/TT-BLĐTBXH.	2	Cái	1.296.000	2.592.000
10	Hiệu chuẩn Bể ổn nhiệt (Bể dàn tiêu bản)	Hiệu chuẩn.	3	Cái	648.000	1.944.000

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) (VND)	Thành tiền (VND)
11	Hiệu chuẩn Bàn sấy mẫu (Bàn sấy tiêu bản)	Hiệu chuẩn.	2	Cái	648.000	1.296.000
12	Hiệu chuẩn Cân điện tử (Cân kỹ thuật)	Hiệu chuẩn.	1	Cái	176.000	176.000
13	Hiệu chuẩn Tủ sấy	Hiệu chuẩn.	2	Cái	550.000	1.100.000
14	Hiệu chuẩn Máy ly tâm	Hiệu chuẩn.	5	Máy	397.500	1.987.500
15	Hiệu chuẩn Tủ lạnh âm sâu.	Hiệu chuẩn. Phạm vi yêu cầu hiệu chuẩn: - 01 tủ tại nhiệt độ (-15, -20, -25)°C. - 03 tủ tại nhiệt độ (-20, -25, -30)°C.	4	Cái	1.085.861	4.343.444
16	Hiệu chuẩn Tủ lạnh/ Tủ mát.	Hiệu chuẩn. Phạm vi yêu cầu hiệu chuẩn: tại nhiệt độ (0, 5, 10)°C (nếu có).	9	Cái	493.573	4.442.157
17	Kiểm định Máy tiệt trùng 48H	Kiểm định.	1	Máy	342.165	342.165
18	Kiểm định Áp kế (Hệ thống khí y tế trung tâm)	Kiểm định.	7	Cái	108.000	756.000
19	Kiểm định Áp kế (Máy hấp tiệt trùng bằng hơi nước)	Kiểm định.	1	Cái	108.000	108.000
20	Kiểm định Van an toàn (Máy hấp tiệt trùng bằng hơi nước)	Kiểm định.	1	Cái	216.000	216.000
21	Đo cường độ chiếu sáng Phòng sinh hóa - Huyết học	Đo cường độ chiếu sáng phòng	1	Phòng	756.000	756.000
22	Đo cường độ chiếu sáng Phòng Sinh hóa nước tiểu	Đo cường độ chiếu sáng phòng	1	Phòng	756.000	756.000
23	Đo cường độ chiếu sáng Phòng huyết thanh học	Đo cường độ chiếu sáng phòng	1	Phòng	756.000	756.000
24	Đo cường độ chiếu sáng Phòng Kỹ thuật vi sinh	Đo cường độ chiếu sáng phòng	1	Phòng	756.000	756.000

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) (VND)	Thành tiền (VND)
25	Đo cường độ chiếu sáng Phòng môi trường	Đo cường độ chiếu sáng phòng	1	Phòng	756.000	756.000
26	Đo cường độ chiếu sáng Phòng thủ thuật	Đo cường độ chiếu sáng phòng	1	Phòng	756.000	756.000
27	Đo cường độ chiếu sáng Kho hóa chất	Đo cường độ chiếu sáng phòng	2	Phòng	756.000	1.512.000
28	Đo cường độ chiếu sáng Phòng nhận mẫu	Đo cường độ chiếu sáng phòng	1	Phòng	756.000	756.000
29	Đo cường độ chiếu sáng Phòng kho máu	Đo cường độ chiếu sáng phòng	1	Phòng	756.000	756.000
30	Đo cường độ chiếu sáng Phòng lấy mẫu	Đo cường độ chiếu sáng phòng	1	Phòng	756.000	756.000
31	Đo cường độ chiếu sáng Phòng xử lý	Đo cường độ chiếu sáng phòng	1	Phòng	756.000	756.000
Tổng cộng (đã bao gồm Thuế GTGT)						**79.804.266**
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi chín triệu, tám trăm linh bốn nghìn, hai trăm sáu mươi sáu đồng đồng./.						